

BÀI LÝ THUYẾT CÂU BỊ ĐỘNG

CHUYÊN ĐỀ: THÌ HIỆN TẠI ĐƠN (PRESENT SIMPLE PASSIVE)

I. Tư Duy Cốt Lõi Khi Chuyển Đổi Sang Câu Bị Động

Để giúp học viên không bị nhầm lẫn khi làm bài tập chuyển đổi từ câu chủ động sang câu bị động, giáo viên cần hướng dẫn học viên tuân thủ nghiêm ngặt hai bước xác định nền tảng sau:

- Bước 1 - Xác định Tân ngữ (Object):** Tìm cụm từ đóng vai trò là tân ngữ trực tiếp của động từ trong câu chủ động, sau đó đổi nó trở thành **Chủ ngữ mới** của câu bị động.
- Bước 2 - Xác định Thời/Thì (Tense):** Xác định chính xác câu chủ động đang được sử dụng ở thời nào để thực hiện chuyển đổi cấu trúc động từ cho hợp lý và chính xác.

II. Công Thức Câu Bị Động Thì Hiện Tại Đơn

Khi câu chủ động ở thì Hiện tại đơn, động từ **to be** trong câu bị động sẽ được chia theo 3 dạng tương ứng với chủ ngữ mới: **am**, **is**, hoặc **are**.

1. Công thức tổng quát

$$S + be (am / is / are) + PII (V3/-ed) + (by + O)$$

2. Quy tắc chia động từ To Be theo chủ ngữ mới (S):

- **S = I** → dùng **am**
- **S** là Danh từ số ít / Danh từ không đếm được / **He, She, It** → dùng **is**
- **S** là Danh từ số nhiều / **You, We, They** → dùng **are**

III. Ví Dụ Mẫu Câu Phân Tích Chi Tiết

Hãy cùng phân tích một ví dụ điển hình để làm rõ quy trình tư duy trên:

Câu chủ động: *My Dad builds the house.*

Quy trình phân tích từng bước cho học viên:

- **Xác định tân ngữ:** **the house** (đối tượng chịu tác động trực tiếp của hành động "builds").
- **Xác định thời:** Động từ "builds" có đuôi "-s" → Câu ở thời **Hiện tại đơn**.
- **Áp dụng công thức bị động:** Chủ ngữ mới là "the house" (số ít) nên chọn **is**. Động từ "build" đổi sang dạng Phân từ 2 (PII) là **built**. Thêm tác nhân **by my father / by my Dad** xuống cuối câu.

Câu bị động hoàn chỉnh: *The house is built by my father.*

Dịch nghĩa chi tiết: Ngôi nhà được xây dựng bởi bố của tôi.

IV. 10 Bài Tập Thực Hành Ngay Tại Lớp

Yêu cầu bài tập: Dựa vào các bước lý thuyết đã học, học viên hãy xác định Tân ngữ, Thì hiện tại đơn của câu chủ động dưới đây và viết lại chúng dưới dạng câu bị động hoàn chỉnh.

1. *My mother cleans the kitchen every morning.*
2. *The chef prepares amazing dinners for the guests.*
3. *They deliver the newspapers at 6 AM.*
4. *The teacher corrects our english mistakes.*
5. *Millions of people speak English all over the world.*
6. *The government protects the national parks.*
7. *Mechanics check the airplanes before every flight.*
8. *The postman delivers the letters to our house.*
9. *We use laptops for our daily study.*
10. *The gardener waters the flowers in the backyard.*

V. Đáp Án Chi Tiết Và Hướng Dẫn Giải

Dưới đây là phần đáp án giúp học viên tự đối chiếu, phân tích lý do chọn dạng của *to be* dựa vào số ít hay số nhiều của tân ngữ được đẩy lên làm chủ ngữ mới.

STT	Phân tích Tân ngữ & Động từ	Câu bị động hoàn chỉnh & Bản dịch nghĩa
1	- Tân ngữ: the kitchen (số ít) - To be: is - V3: cleaned	<i>The kitchen is cleaned by my mother every morning.</i> (Nhà bếp được dọn dẹp bởi mẹ tôi vào mỗi buổi sáng.)
2	- Tân ngữ: amazing dinners (số nhiều) - To be: are - V3: prepared	<i>Amazing dinners are prepared for the guests by the chef.</i> (Những bữa tối tuyệt vời được chuẩn bị cho các vị khách bởi đầu bếp.)
3	- Tân ngữ: the newspapers (số nhiều) - To be: are - V3: delivered	<i>The newspapers are delivered at 6 AM.</i> (Báo chí được phát vào lúc 6 giờ sáng. *Bỏ qua "by them" vì chủ ngữ không xác định*.)
4	- Tân ngữ: our english mistakes (số nhiều) - To be: are - V3: corrected	<i>Our English mistakes are corrected by the teacher.</i> (Những lỗi sai tiếng Anh của chúng tôi được sửa bởi giáo viên.)
5	- Tân ngữ: English (không đếm được) - To be: is - V3: spoken	<i>English is spoken all over the world.</i> (Tiếng Anh được nói trên toàn thế giới. *Bỏ qua "by millions of people" vì ngữ cảnh rộng*.)
6	- Tân ngữ: the national parks (số nhiều) - To be: are - V3: protected	<i>The national parks are protected by the government.</i> (Các công viên quốc gia được bảo vệ bởi chính phủ.)
7	- Tân ngữ: the airplanes (số nhiều) - To be: are - V3: checked	<i>The airplanes are checked by mechanics before every flight.</i> (Những chiếc máy bay được kiểm tra bởi các thợ máy trước mỗi chuyến bay.)
8	- Tân ngữ: the letters (số nhiều) - To be: are - V3: delivered	<i>The letters are delivered to our house by the postman.</i> (Những bức thư được phát tới nhà chúng tôi bởi người đưa thư.)
9	- Tân ngữ: laptops (số nhiều) - To be: are - V3: used	<i>Laptops are used for our daily study.</i> (Máy tính xách tay được sử dụng cho việc học tập hàng ngày của chúng tôi.)
10	- Tân ngữ: the flowers (số nhiều) - To be: are - V3: watered	<i>The flowers in the backyard are watered by the gardener.</i> (Những bông hoa ở sân sau được tưới nước bởi người làm vườn.)